

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Nữ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2017/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: khu 2 phường PT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh Võ Thế B, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: số 13 đường Tạo Lực 2, khu 2 phường PT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim Th trình bày:

Chị Th và anh Võ Thế B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn 25 quyển số 01/2009 ngày 02/4/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trên nhiều vấn đề. Giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không thống nhất được với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề. Mặc dù, hai vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay, chị Th đã về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt

được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Võ Thế B .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Anh Thư, sinh ngày 03/3/2008, khi ly hôn chị Th yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn, nuôi con theo yêu cầu của chị Th. Khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh B nhưng anh cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn. Đối với nguyên đơn, ngày 31/8/2017 chị Bùi Thị Kim Th có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Anh B và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Nay chị Th có đơn xin ly hôn với anh B và có nguyện vọng được nuôi con khi ly hôn. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Võ Thế B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 31/8/2017 nguyên đơn chị Bùi Thị Kim Th có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] *Các vấn đề có tranh chấp :* Chị Th và anh B là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương ngày 02/4/2009 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Th cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng chị Th và anh B có nhiều mâu thuẫn, càng về sau thì mâu thuẫn càng nghiêm trọng, hạnh phúc gia đình không có và không thể nào tiếp tục sống chung với

nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh B là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Anh Thư, sinh ngày 03/3/2008, khi ly hôn chị Th yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, hiện cháu Thư đang sống cùng chị Th. Xét thấy, cháu Thư hiện đang sống với mẹ. Đồng thời, theo biên bản lấy khai ngày 31/8/2017 thể hiện cháu Thư có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao cháu Võ Minh Thư cho chị Th nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị Kim Th phải nộp theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Bùi Thị Kim Th về việc xin ly hôn, tranh chấp người nuôi con đối với bị đơn là anh Võ Thế B .

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 25 giữa anh Võ Thế B và chị Bùi Thị Kim Th do UBND xã PC, thị xã TU, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/4/2009 không còn giá trị pháp lý.

1.1. Về con chung: Chị Bùi Thị Kim Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Võ Anh Thư, sinh ngày 03/3/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Bùi Thị Kim Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Không ai được quyền cản trở anh Võ Thế B trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau

này khi cần thiết.

1.2. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Chị Bùi Thị Kim Th phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001257 ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND xã PC, tx. TU;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo